

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1400/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Danh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 606/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 32/3A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Đ, huyện M, Tp. M.

Bị đơn: Ông Trần Tuấn Vũ, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 32/3A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Đ, huyện M, Tp. M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Tuấn V tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143-KH quyền số 01/2009, do Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM cấp ngày 24/9/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về nhà thường xuyên gây gổ với vợ. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo, tạo cơ hội để gia đình không đổ vỡ nhưng ông V không chịu thay đổi

nên bà T đã chuyển ra ngoài sinh sống 09 năm nay. Bà T và ông V đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông V. Do đó, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn Vũ.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyễn T Vy, sinh ngày 28/01/2010, Trần Nguyễn Ngọc Giàu, sinh ngày 08/7/2012, Trần Nguyễn T Ngọc, sinh ngày 31/10/2014. Sau ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: Bà T tự nguyện chịu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Trần Tuấn V họp lệ. Ngày 20/12/2021, ông V có đến Tòa án và trình bày bản tự khai: Ông V thống nhất với lời khai của bà T về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn. Về quan hệ vợ chồng thì ông V cũng thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 cho đến nay. Ông V cũng không còn tình cảm với vợ nữa nên đồng ý ly hôn. Về con chung thì ông V thống nhất giao ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng mời ông V lên Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V không đến Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Trần Tuấn V có địa chỉ tại 32/3A ấp Xuân Thới Đông 2, xã xã Đ, huyện M, Tp. M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Tuấn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở kiện khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị T và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà T và ông V đã chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143-KH quyển số 01/2009, do xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM cấp ngày 24/9/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp.

Về quan hệ vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về nhà thường xuyên gây gổ với bà T. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo, tạo cơ hội để gia đình không đổ vỡ nhưng ông V không chịu thay đổi nên bà T đã chuyển ra ngoài sinh sống 09 năm nay. Bà T và ông V đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông V. Do đó, bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn V.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông V chỉ đến Tòa án một lần để trình bày lời khai rồi không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, thể hiện ông V không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của ông và bà T, không có thành ý muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông V trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông V có 03 con chung tên Trần Nguyễn T Vy, sinh ngày 28/01/2010, Trần Nguyễn Ngọc Giàu, sinh ngày 08/7/2012, Trần Nguyễn T Ngọc, sinh ngày 31/10/2014. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại bản tự khai, ông V cũng đồng ý giao ba con cho bà T nuôi dưỡng. Trong bản tự khai, ý chí của các con là muốn sống chung với bà T khi ba mẹ ly hôn. Do đó, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông V khai là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Tuấn Vũ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 143-KH quyền số 01/2009, do xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM ngày 24/9/2009 cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Tuấn Vũ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao 03 con chung tên Trần Nguyễn T Vy, sinh ngày 28/01/2010, Trần Nguyễn Ngọc Giàu, sinh ngày 08/7/2012, Trần Nguyễn T Ngọc, sinh ngày 31/10/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Vũ đến khi bà T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0038155 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi Hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM
- Chi cục THADS H. Hóc Môn
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Lý Thành Danh